| | |
|---|---|
| **TAND THÀNH PHỐ L**<br>**TỈNH L** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 37/2024/QĐST-HNGĐ | *Thành phố L, ngày 23 tháng 4 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

- Chị Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Bản Gia Kh, xã Sùng P, thành phố L, tỉnh L.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố số 8, xã M, huyện Văn Y, tỉnh Y.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 21/12/2018 của UBND xã N, thành phố L, tỉnh L nay là UBND Sùng P, thành phố L, tỉnh L. Đến nay chị L1 và anh S đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S

- Về việc nuôi con: chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/12/2019. Chị L1 và anh S thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị Hồng L1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/12/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Văn S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2**. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Hồng L1 và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận anh S là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận anh Nguyễn Văn S đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000176 ngày 25/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Sùng P,
TP L, tỉnh L;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Tòng Thị Tuyết**